

NGÀY XUÂN ĐỌC “ĐÀO HOA THI” CỦA NGUYỄN TRÃI

Trần Uyên Thi

*Tình thư một bức phong còn kín
Gió nơi đâu, gượng mở xem!
(Nguyễn Trãi, 1380-1442)*

Năm nào cũng vậy, khi những giọt tuyết cuối cùng vừa tan, khi khí xuân còn chưa thành hình hẳn mà chỉ mới phảng phất trên những cành cây trước sân, khi trong đất nghe như có tiếng cựa mình của những cội cây đang ở độ sung mãn nhất, chỉ còn chờ đủ ngày là bung ra hàng loạt những nụ tươi non đầu đời, tôi lại giờ bài ĐÀO HOA THI của Nguyễn Trãi ra đọc. Tính đến nay là năm thứ mười. Chín lần kia, tôi đọc bài thơ như một *bản nhạc không lời*, làm như tôi sợ nếu tôi bắt đầu suy tư về phần *nghĩa* thì tôi sẽ đánh mất bài thơ vĩnh viễn như làm tuột khỏi tay cái tách trà mà tôi yêu quý nhất vậy. Với tôi, *Đào Hoa Thi* đã đủ đẹp ở phần nhạc tính của nó, cái phần nằm ở dưới ngôn từ và ở trong tâm thức của nhà thơ, cái phần làm cho bài thơ khỏi rơi vào sự miêu tả một cái gì cụ thể, hay kể lể tâm sự một điều gì, mà chỉ là những nét chấm phá mơ hồ, bay bổng, nhẹ tênh, gợi lên những cái ngoài tầm mắt, ngoài suy tư, ngoài ý niệm - mệnh mông và vô cùng.

Nhưng năm nay, cường không nổi sự tò mò về một số từ cổ mà ngay chính các học giả cũng còn chưa thống nhất cách đọc và hiểu, tôi bắt đầu giờ trên kệ xuống những cuốn sách đã bị bỏ quên từ mấy năm nay. Thật ra, sách viết về *Quốc Âm Thi Tập (QATT)* của Nguyễn Trãi không có là bao nhiêu. Bản Nôm thì tôi có bản Phúc Khê (mùa thu năm Tự Đức Mậu Thìn 1868¹) do Giáo sư Lê Văn Đặng gửi cho, đem so với bản in trong *Nguyễn Trãi Toàn Tập Tân Biên* (do Mai Quốc Liên chủ biên, NXB Văn Học, 2001, gọi tắt là bản MQL) thì không thấy có chữ nào khác. Bản này Giáo sư Đặng scan lại từ một quyển sách tiếng Pháp ở thư viện Suzzallo (University of Washington, WA), nhưng tiếc là vì đã quá lâu, Giáo sư chưa nhớ ra tên sách. Về phần phiên âm thì có bản Đào Duy Anh, Nguyễn Đình Hòa & Lê Văn Đặng, Mai Quốc Liên. Bản MQL có khảo dị phần phiên âm của Trần Văn Giáp, Vũ Văn Kính. Còn thì tôi phải lục lọi trong những tác phẩm cổ và tự/từ điển cổ. Nhưng, sau khi đã đối chiếu các bản phiên âm khác nhau và tìm tòi suy nghĩ thêm mất mấy ngày, tôi vẫn không thấy ra được điều gì mới ngoài những điều đã biết trước đây...

¹ Đây là chỗ đáng thương của nền văn học cổ Việt Nam. Nhiều tác phẩm được viết từ TK XIII, XV mà hiện nay giới nghiên cứu chỉ có trong tay bản chép tay hay bản khắc gỗ của TK XVII, XVIII, vì bản chính đã bị lửa chiến tranh thiêu đốt, hoặc bị thất lạc, hoặc bị tiêu hủy. Riêng với QATT, những gì Nguyễn Trãi viết ra đã tuyệt tích. Hai mươi lăm năm sau ngày ông bị tru di tam tộc, vua Lê Thánh Tông mới minh oan cho ông và sai Trần Khắc Kiệm sưu tầm di cảo thơ văn của ông, in vào bộ *Ức Trai Thi Tập* vào năm 1480 (công việc sưu tập này mất mười năm). Nhưng sách đó sau cũng bị thất lạc nốt, chỉ còn lại một ít thơ văn rải rác trong các bộ sách khác, như *Toàn Việt Thi Lục* của Lê Quý Đôn và *Hoàng Việt Thi Văn Tuyển* của Bùi Huy Bích. Mãi đến đời nhà Nguyễn, tức là hơn 400 năm sau, Dương Bá Cung, người cùng làng với Nguyễn Trãi, mới đi từ Bắc vào Nam thu thập, dò hỏi, biên chép và cho in thành bản Phúc Khê 1868. Đây là bản mà hiện nay chúng ta có được.

...Cho đến khi tôi có được bản phiên âm và chú giải của Giáo sư Lê Hữu Mục, một món quà bất ngờ mà Giáo sư Trần Ngọc Ninh đã ưu ái gửi cho tôi khi biết tôi đang đọc lại *Đào Hoa Thi*.

Tôi hồi hộp mở cái nơ màu *gold* mà Gs Ninh đã thắt vào bản phiên âm của Gs Mục, một cử chỉ biểu lộ lòng trân trọng của Cụ đối với tác phẩm của Nguyễn Trãi. Đó là một bản thảo viết tay đã lâu, giấy đã ngả vàng, chữ viết ngay hàng thẳng lối, đậm nét và rõ ràng. Tôi được biết Gs Mục đã bỏ ra hơn ba mươi năm ròng đọc *QATT* và đã phiên âm, chú giải toàn bộ tác phẩm này, với khoảng 400 trang viết tay, nhưng bản thảo đó chưa hề được in thành sách.

Tôi đọc một hơi những những trang giấy có bút tích của Gs Mục, và cảm giác khi đọc xong là một nỗi hân hoan vui sướng vừa được qua một cuộc phiêu lưu chữ nghĩa kỳ thú và thi vị. [...]

Đào Hoa Thi gồm sáu đoạn, làm theo lối “thủ vĩ liên hoàn”, nghĩa là lấy mấy chữ cuối của đoạn trên đem lặp lại ở đoạn dưới. Sáu đoạn đều viết theo thể thất ngôn tứ tuyệt, nhưng đều sử dụng những vần chính khác nhau. Đoạn đầu dùng vần trắc, bốn đoạn giữa dùng vần bằng, và lại kết thúc với vần trắc ở đoạn cuối, như một bản nhạc *rondo*. Toàn bài thơ như một điệu luân vũ — mỗi điệu vũ là sự tiếp nối của điệu vũ trước. Trong *QATT*, sáu đoạn này được đánh số bài từ 227 đến 232.

ĐÀO HOA THI

227. Một đóa đào hoa khéo tốt tươi
Cách xuân mơn mớn thấy xuân cười
Đông phong ắt có tình hay nữa
Kiến tiện mùi hương dễ động người

228. Động người, hoa khéo tỏ tình thần
Ít bởi vì hoa, ít bởi xuân
Dĩ sứ chim xanh đành choạc lối
Bù chi đã có khí hồng quân

229. Khí hồng quân hời, xá chời qua
Chớ phu xuân này, chớ phu hoa
Hoa có ý thì xuân có ý
Đâu đâu cũng một khí dương hòa

230. Khí dương hòa há có tây ai
Nùng một hoa này nhẵn mọi loài
Toan kẻ chĩn còn ba tháng nữa
Cặp xuân mưa để má đào phai

231. Má đào phai hết bởi xuân qua
Nếu lại đơm thì liền luống hoa
Yên thừa Dao Trì đã có hẹn

Chớ cho Phương Sóc đến lân la

232. Phương Sóc lân la đã hờ cơ
Ba phen trộm được, há tình cờ
Có ai uớm hỏi Tây Vương Mẫu
Tin khá tin thì ngờ khá ngờ

Xin được thưa ngay rằng bản phiên âm trên đây là dựa vào bản LHM, trừ những từ gạch dưới và in nghiêng, là những từ mà tôi xin được mạn phép đọc khác, mặc dầu chỉ là một kẻ hậu học và luôn coi Gs Mục là một bậc thầy trong Nôm học. Và lại, nói cho cùng, những chỗ đọc khác này cũng không có gì gọi là “to tát” cho lắm, mà chỉ là ý kiến cá nhân. Bản LHM đọc như sau:

Bài 227, câu 2: Cách xuân mơn mớn *thể* xuân cười (LHM)

Bài 228, câu 1: Động người, hoa khéo *hồn* tinh thần (LHM)

Bài 228, câu 2: *Ất* bởi vì hoa, *ất* bởi xuân (LHM)

Bài 229, câu 2. Chớ *phũ* xuân này, chớ *phũ* hoa (LHM)

Bài 231, câu 2. Nếu lại đơm thì, *lên* luống hoa (LHM)

Và còn đôi ba chỗ cách đọc tuy giống nhưng cách hiểu hơi khác.

[Lược bỏ phần Khảo Dị]

Chú giải:

Cách xuân : trải qua một mùa xuân (khứ niên), trọn một mùa xuân (HTC).

Kiến tiệp: tôi đọc theo LHM. Ông giảng như sau: “*Kiến tức là cần, để dành phần (HTC). Tiệp: dâng lên, lan ra theo hình xoáy tròn ốc, thường nói về dáng hương dáng khối nhẹ nhàng bay lượn trên không.*”

Ý cả đoạn 1: Một đóa đào hoa thật xinh xắn, đẹp dễ; Năm trước mơn mớn, năm nay lại khoe sắc; Gió đông hắt phải có ý đẹp hơn nữa, chậm rãi đưa mùi hương của hoa nhẹ nhẹ quện lên không, để làm xao xuyến lòng người.

Tổ tinh thần: tỏ cái thần của hoa.

Ất bởi vì hoa, ất bởi xuân: cách nói cổ, nghĩa là một phần là vì hoa, một phần là vì xuân.

Dĩ (ADR, HTC): bảo nhỏ, nói nhỏ vào tai.

Sứ chim xanh: sứ giả của Tây Vương Mẫu. Tây Vương Mẫu là một nữ thần cao quý, được coi gần như Thiên Hậu trong huyền thoại Trung Hoa, ngự ở cung Dao Trì (ao ngọc). Tại Dao Trì có một vườn đào quý, ba ngàn năm mới có trái một lần (thường được gọi là quả bần đào), ăn vào thì được trường sinh bất tử (theo *Hán Vũ Cổ Sự*). Nguyễn Du: “Về chi một đóa yêu đào / Vườn hồng chi dám ngăn rào chim xanh.”

Đành choac lỏi: là đọc theo LHM. Các bản phần lớn đọc là *dừng chuốc lỏi*, và hiểu theo nghĩa là “dừng tìm lỏi.” Vấn đề là không thấy ở đâu nói *chuốc* có nghĩa là “tìm.” *Chuốc* chỉ có nghĩa là chịu lấy, gánh lấy, hoặc là *chuốc rượu* cho ai. LHM: “Đành: *bất đắc dĩ phải chấp nhận một sự*

thực hiển nhiên. Choạc lời: *không đừng việc gì (HTC)*. Cả câu: *xin nói rõ với sứ giả chim xanh là bắt đắc dĩ phải chấp nhận là mình không được việc đi*” (hết trích LHM).

Bù chì: theo LHM, khi viết theo tiếng Hán Việt thì đọc là *trì*, khi viết theo tiếng Nôm thì đọc là *chì*. *Bù chì* là chở che, giúp đỡ, nuôi nấng.

Khí hồng quân: khí trời. *Hồng quân* là cái bàn xoay của tạo hóa để sáng tạo ra mọi loài (*quân* là cái bàn xoay để thợ nặn bắt đồ sành.)

Ý cả đoạn 2: *Làm xao xuyên lòng người, hoa khéo tỏ hết cái thân của mình ra; Một phần là bởi hoa, một phần là bởi xuân; Xin nói nhỏ với sứ giả chim xanh của Tây Vương Mẫu là hãy dành lui bước đi; Chuyện chở che, săn sóc vạn vật đã có khí trời lo liệu cho.*

Xá chời qua: là phát hiện độc đáo của LHM. Hơn nữa, LHM đã ngắt câu ở chữ thứ tư, và đọc *hời* thay vì *hãy*. Theo LHM, câu này có nghĩa là “*Xin khẩn nài khí hồng quân, xin ngài hãy đến cho dồi dào, xin ngài hãy đổ xuống dư dật từ trời cao. Xá: hãy, nên, phải. Chời: nhiều, dư dật, dồi dào, như nói chời (trời) lơ: prodigus. Génibrel có ghi được một tỉ dụ rất có giá trị: “Kia rít ấy chời không cân nhau”, nghĩa là: avarice et prodigalité ne vont pas ensemble (hà tiện và lãng phí không đi đôi với nhau). Chời thường được hiểu theo nghĩa Hán văn là phong phú, phong thịnh, toàn bộ, tận lực*” (hết trích LHM).

Câu 2, bản LHM đọc là *Chớ phũ* xuân này *chớ phũ* hoa, và chú rằng “*Xin đừng tỏ ra tàn nhẫn đối với xuân, xin đừng đối xử phũ phàng, thô tục đối với hoa. Ta có cảm tưởng như được nghe tiếng thất thanh của ND: Phũ phàng chỉ bấy hoá công! (TK, 85)*. Theo thiển ý của tôi, đọc là *phụ* thì hợp theo mạch nghĩa của câu trước hơn.

Khí dương hòa: khí ấm áp an hòa (chỉ khí xuân). Nguyễn Du: “*Khúc đầu đầm ấm dương hòa...*”

Ý cả đoạn 3: *Xin khẩn nài khí hồng quân, xin hãy đến cho dồi dào; Đừng phụ lòng chúa xuân, đừng phụ lòng hoa; Hoa có tình, và xuân cũng có tình. Khí ấm áp an hòa tràn ngập khắp muôn nơi.*

Há có tây ai: nào có thiên vị ai đâu? Tây là tư vị, riêng tây

Nừng: một phát hiện độc đáo nữa của LHM. Xin dẫn lời của chính ông: “*Nừng, nôm viết bằng chữ nằng, là một phát hiện của tôi sau ba mươi năm đọc Nguyễn Trãi. Đầu tiên, tôi cũng đọc là nằng như các cụ Trần và cụ Đào, nhưng từ nằng sao lại cứ hay đi trước một từ có tính chỉ giới hạn như mỗ (QA, 5), một (QA, 230). Tôi chuyển câu thơ ra chữ Hán, và tôi thấy chữ nừng một có thể dịch ra Hán văn bằng những từ như đơn, chỉ, cần, duy chỉ, v.v... Tôi tra chữ cần 僅 và tôi tìm thấy trong TC chữ nừng mà có lẽ không ai hiểu là gì, và tôi cũng chỉ hiểu rõ nghĩa khi lấp từ nừng vào câu thơ:*

Nừng một hoa này *nhấn* mọi loài (QA, 230)

Nừng mỗ san-tăng làm bạn ngâm (QA, 5)

Nừng một ông này *đẹp* thú này (QA, 11)

Các từ điển ghi từ cận như sau: VT/cận: chỉ có; TD/cận: tí nữa không (à peine), một tí (un peu); KH/cận: ít; TC/cận: nừng. Như vậy, nừng nghĩa là ‘chỉ có’, tức là ngoài cái ấy ra thì không còn có gì gọi là nó nữa, nhấn mạnh vào tính cách hi hữu, giới hạn tuyệt đối. Nừng trong tiếng Thái có nghĩa là ‘một, chỉ có một’. Do vậy, từ nừng này có thể do ở chữ Thái mà ra, và giữ nguyên ý nghĩa ấy khi chuyển sang tiếng Việt. Cũng vì lẽ đó mà từ nừng bao giờ cũng đi song đôi với những từ đồng nghĩa với nó như một (chỉ có một, không có hai), mỗi (một, từ gốc Cao miên)” (hết trích LHM). Như vậy, nừng là seulement (Pháp), only (Anh).

Nhấn: đến (từ... đến, như từ cổ nhấn kim). Ý cả hai câu: Khí dương hòa nào có thiên vị ai đâu, từ hoa này cho đến tất cả mọi loài, tất cả đều được hưởng cái phúc lộc của trời đất. Cụ ĐDA (& MQL) hiểu là “chỉ hoa đào là hơn mọi loài hoa khác vì nó nở vào đầu xuân”, theo tôi, là mâu thuẫn với câu trên (có tây vị ai đâu.)

Toan: suy xét, bàn luận, suy tính; Kể: đếm; Chỉn: chỉ. Toan kể chỉn còn: Tính ra chỉ còn (ba tháng nữa là hết mùa xuân.) Ta còn nói “toan tính.”

Cập xuân: mãn xuân, hết mùa xuân, như “cập độ” là thi độ. Có bản phiên âm là *gấp*, có bản phiên là *kịp*, với nghĩa là “hãy mau lên cho kịp xuân, đừng để má đào phai.” Nhưng hiểu như thế không hợp với ý câu trước.

Mưa: chớ, đừng.

Ý cả đoạn 4: Khí dương hòa nào có tây vị ai đâu; Từ hoa này cho đến hết thấy mọi loài, tất cả đều được hưởng phúc lộc dồi dào của trời đất; Tính ra chỉ còn có ba tháng nữa là hết mùa xuân, xin đừng để má đào phai.

Nẻo lại đơm/đâm thì liền luống hoa. Câu này có nhiều cách hiểu khác nhau. Bản ĐDA và MQL đều hiểu chữ *luống* nghĩa là “muộn”, như “luống tuổi”, ý cả câu: “Xuân đã qua mà lại đơm hoa thì là hoa muộn không đẹp nữa.” Lại có bản hiểu là “xuân đã qua rồi mới ‘đâm mê’ thì muộn mất rồi.” Theo tôi, nếu người viết muốn dùng chữ *đâm* theo nghĩa là “đâm mê” thì đã dùng hán chữ 耽 chứ không ghi chữ . . Đây là một tác phẩm cổ.

Tôi xin đề nghị một cách hiểu khác: Rút cục rồi xuân cũng qua và má đào cũng phải phai (âu cũng là cái lẽ của tạo hoá, nhưng đừng có vì thế mà buồn), nếu khi cây lại đơm hoa vào mùa xuân năm sau, thì lập tức cả rừng hoa đào sẽ bung ra một lượt, cái này nối tiếp cái kia, thành một *luống* (như luống mía, luống khoai).

Yến thừa Dao Trì: yến tiệc ở Dao Trì của Tây Vương Mẫu (đã được định trước). Có bản đọc là *yến sở* (nghĩa như nhau). Đọc *thừa* là đọc theo kiểu cổ.

Phương Sóc: Theo *Hán Vũ Cổ Sự*, Đông Phương Sóc ba lần đến Dao Trì trộm đào tiên về cho Hán Vũ đế, khiến Tây Vương Mẫu giận, đày xuống cõi trần.

Ý cả đoạn 5: Xuân qua rồi, má đào phai hết; Nhưng khi cây lại đơm hoa nữa thì hoa sẽ nở bung một lượt khắp đất trời thành từng luống; Yến tiệc ở Dao Trì của Tây Vương Mẫu đã định ngày rồi

(khi hoa kết trái); (Nhưng) chớ để cho Đông Phương Sóc đến giả vờ làm bạn rồi giở trò ăn cắp đào tiên.

Hở cơ: vô ý, không giữ kỹ, lộ mưu kế.

Há: nào phải

Tin khá tin thì ngờ khá ngờ: Ngữ pháp cổ. Nói theo ngữ pháp hiện đại là “Tin thì có thể tin, mà ngờ vẫn có chỗ ngờ.” *Thì ở đây gần như là mà.*

Ý cả đoạn 6: Đào tiên không được canh giữ cho kỹ, để Phương Sóc vào lấy mất; Ba lần đến, ba lần được, há phải chuyện tình cờ; Nếu có ai đến Dao Trì hỏi thử Tây Vương Mẫu; Chuyện này tin thì có thể tin, nhưng ngờ vẫn có chỗ đáng ngờ.



Sau khi đã mổ xẻ phân tích bài thơ, điều mà tôi đã ngần ngại không muốn làm từ mười năm nay, tôi đọc lại bài thơ một lượt từ đầu đến cuối, như những ngày xưa. Tôi vui mừng thấy rằng núi vẫn là núi, sông vẫn là sông, Đào Hoa Thi vẫn là một bản nhạc không lời, đẹp trình nguyên và vĩnh cửu như những hứa hẹn từ thuở ban đầu.

Song, tôi vẫn thấy có điều gì vương vấn trong lòng, chưa thể dừng lại ở đó.

Đành rằng thơ Nguyễn Trãi có nhiều bài nhẹ như tơ, bởi vì, nói cho cùng, không có gì Nguyễn Trãi mong muốn được làm trong một kiếp hiem hoi mang thân người hơn là “Am trúc hiên mai ngày tháng qua” (bài 4), “Đem công danh đổi lấy căn câu” (bài 30), “xây nhà trên núi, gói đầu lên tảng đá mà ngủ”, hoặc quảy nước về pha chè (trong nước có bóng trăng), rồi khoan khoái nằm khểnh trong căn phòng đọc sách phủ rợp bóng mây, đi vào giấc mộng mơ màng chỉ với một ý nghĩ duy nhất còn bám lấy tâm trí nửa say nửa tỉnh là chưa ai quét lá thông ngoài cửa (bài 51), nhưng có lẽ nào một tâm hồn lớn như Nguyễn Trãi, một viên ngọc Lam Điền của tinh hoa văn hoá và tư tưởng Việt Nam, một vĩ nhân hiếm có mà suốt mấy ngàn năm lịch sử của dân Việt chỉ có hai ba người có thể sánh nổi, với “tài kinh bang tế thế làm rạng rỡ cho đất nước xưa nay chưa ai sánh được” (“kinh bang hoa quốc cổ vô tiền”, Nguyễn Mộng Tuân), với khí tiết “sạch như giá tuyết đọng trong bình ngọc” (“Mạn Hứng”), với những tư tưởng cao quý (“việc nhân nghĩa cốt ở yên dân”), và hoài bão lớn lao (duy tân khắp chốn [BNĐC], “muốn đem nước hoa lan chia khắp bốn biển, từ nay gột rửa cho hết thảy những người còn bị ghét bẩn [“Đoan Ngo”]...), người đã viết lên áng hùng văn thiên cổ *Bình Ngô Đại Cáo* (BNĐC) mà văn chương và tư tưởng sẽ còn lưu truyền đến muôn đời, người đã viết lên những bài thơ Quốc Âm mà mỗi lời mỗi tiếng là hạt minh châu của ngôn ngữ và tình tự dân tộc..., có lẽ nào một con người như thế mà viết một bài thơ dài như *Đào Hoa Thi*, với những ẩn dụ về tiệc bàn đào của Tây Vương Mẫu, về sứ chim xanh, về Đông Phương Sóc lân la trộm đào, và “hở cơ”... chỉ để vịnh hoa giải sầu? Có chăng một tâm sự ẩn giấu? Tôi nghe văng vẳng bên tai những lời thơ tha thiết của ông:

Tình thư một bức phong còn kín

Gió nơi đâu, gương mở xem!

(“Ba Tiêu”)

Ta có thể giữ được tâm bình thản để đi vào thế giới thơ của ông mà mở cái khối tình “còn kín” trong đó chăng?

Sau mười năm nếm mật nằm gai với Lê Lợi, một mặt dùng quân sự, một mặt dùng văn chương trác tuyệt — một thứ văn chương chỉ có thể nở ra từ một tấm lòng thấu hiểu được đạo Nhân Nghĩa — để đánh thức lòng người, cuối cùng ông cùng với Lê Lợi và nghĩa quân đã quét sạch bóng quân xâm lược ra khỏi bờ cõi, cấp thuyền cấp ngựa cho chúng về nước. Rồi khi tiếng sáo thanh bình và khúc ca khải hoàn trỗi lên trên khắp mọi miền của đất nước, ông lại cùng Lê Lợi đại cáo DUY TÂN cho toàn dân, được ghi rõ trong mấy câu cuối cùng của BNĐC (“Bốn phương phẳng lặng thanh bình / Tuyên bố thời đại **duy tân** khắp chốn²”), để cho nước Việt “Muôn thuở nền thái bình vững chắc / Nghìn thu vết nhọc nhãi sạch lâu.” Song, thật là chua chát, ông sớm nhận ra mộng bao giờ cũng đẹp mà lòng người thì “cực hiểm”, khó dò (“Ngoài chung mọi chốn đều thông hết / Bui một lòng người cực hiểm thay”): tuy nạn binh đao đã dứt, mà mỗi lần ông hồi tưởng hay thấy lại cảnh xưa, vẫn giật mình thấy thân mình còn lạnh lặn, thế nhưng chốn quan trường còn đáng khiếp hãi hơn nữa, khiến ông phải than: “Hoạn tình dị khiếp thương cung diệu” (trong chốn quan trường, lòng những khiếp sợ như con chim phải cung; “Mạn Hứng”). Theo đạo của người quân tử, ông về ở ẩn nơi Côn Sơn, tiêu sái qua ngày. Song, tuy nói là “rủ bụi trần”, nhưng một tâm hồn nhân ái vị dân vị nước như ông làm sao có thể người nghĩ đến vua, cha, và những lí tưởng mà ông suốt đời theo đuổi:

Bui một tác lòng ưu ái cũ

Đêm ngày cuộn cuộn nước triều đông

(“Thuật Hứng”)

Còn có một lòng âu việc nước

Đêm đêm thức nhẩn nẻo sơ chung

(Bài 65)

Tác lòng đêm ngày cuộn cuộn nước triều đông ấy, nỗi âu thức nhẩn nẻo sơ chung ấy là “khối tình còn kín” của *Đào Hoa Thi* mà tôi xin được mượn nguyên văn lời của Giáo sư Trần Ngọc Ninh để diễn bày và cũng để kết thúc bài viết đã hơi dài này:

“Mỗi bài thơ Việt Nam là một công án, hay là một cái án, có một cái kì oan ở trong. Nguyễn Du dẫu nổi ‘kì oan’ của mình trong thơ Kiều, nên nói ‘Rằng hay thì thực là hay, nghe ra ngậm đắng nuốt cay thế nào.’ Thơ Quốc Âm của Nguyễn Trãi có một bề ngoài thanh thản, nhưng phải nghe thấy những tiếng ‘đục như tiếng suối mới sa nửa vời’ thì mới thấy sự đắng cay của một bậc siêu nhân (siêu có nghĩa là ‘siêu thoát’). *Đào Hoa Thi* là một bài Nguyễn Trãi viết khi mới về Côn Sơn

² Nguyên văn: “Tứ hải vĩnh thanh, đản bố duy tân chi cáo 四海永清誕布維新之誥.” Bản dịch nổi tiếng của Cụ Bùi Kỳ không hiểu vì lí do gì bỏ hẳn mất hai chữ “duy tân.” Cụ dịch là “Phẳng lặng bốn bề thái vũ, mở hội vĩnh thanh.” Không biết có phải vì Cụ muốn tránh sự kiểm duyệt của Pháp (vì có tên vua Duy Tân) chăng?

và còn hi vọng rằng sự nghiệp cách mạng của Đức Vua Lê Lợi sẽ còn được đơm thì và hoa lại luống liền. Trong *Đào Hoa Thi*, tôi thấy những biểu tượng. Mùa xuân hoa đào nở là nền độc lập tự do và những hứa hẹn về màu sắc, hương hoa và tình người. Nắng xuân (khí hồng quân, khí dương hòa) là ơn vua và lộc nước, không phải chỉ cho má đào mà cho tất cả các loài hoa, đâu đâu cũng một khí dương hòa. Nhưng xuân chỉ có một thì, qua đi rồi thì e rằng má đào phai và lòng người cũng nguội lạnh [chú thích của TUT: sau mười năm binh lửa, ta đuổi được quân Minh về nước, khó khăn tưởng như đã qua, nhưng đánh giặc đã khó mà dựng nước lại càng khó hơn, nhất là khi lòng người đã mệt mỏi], trừ phi rằng ‘lại đơm thì (để cho) liền luống hoa’ thì yến tiệc bàn đào ở Dao Trì như đã hẹn (tức là hoài bão DUY TÂN trong *Bình Ngô Đại Cáo*) sẽ có như toàn dân mong ước, chỉ e rằng có những Đông Phương Sóc sẽ đến ăn cắp những quả của mùa xuân; chúng đã ba lần tỏ rõ ý định cướp công rồi, và ta phải đề phòng.” (Trần Ngọc Ninh)

Virginia, đầu Xuân Tân Mão 2011
TUT

嗣德戊辰秋

抑齋集

福澤原本

223

其三

丈夫節勁恪得台

養愈至固意為

徐課化蜂強邏女

主春蟬強初台

224

梅詩三首用首
尾連環格

春且吊花極卒鮮

於眉為節瀝欣得

閣東乙也曾少客

呵仍通仙結伴制

225

其二

仙通結也開秋迟

吟吮荒朋覓重台

吏固幾梗外意亂

俸疎和活動得為

226

其三

俸疎和活動得為

寮遙香幾月台

况吏榜春初占特

簪三友極朋眉

227

桃花詩六首用首
尾連環格

幾朵桃花窖卒鮮

隔春嫩七体春喫

東風乙固情哈女

建美味香易動得

228

其二

動得花寧亦精神

也摆為花也摆春

吧使鴟撐停祝壽

連持也固氣洪鈞

229

其三 首本主
東君裁

氣洪鈞矣舍才戈

渚負春尼渚負花

花固意報春固意

地也共展氣陽和

230

其四

氣陽和可固絃埃

能展花尼忍每類

笑計參群吧腦女

及春馬底鵬桃泳

231

其五

鵬桃泳歇摆春戈

象吏花扣連隨花

宴所瑤池它固限

渚朱方朝旦鄰羅

232

其六

方朝鄰羅也許機

吧番濫特呵情期

固埃厭晦仙王母

信可信報疑可疑

233

牡丹花

展身和卒吏郎

富貴謳謳劍海棠